

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17 -7 - 2019

*V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa.

2, Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn X 1, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn X 1, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ cuối năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa

phương. Đến ngày 29/5/2015, mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến ngày 30/6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, thường xuyên uống rượu say và đánh vợ, anh T không chịu tu chí làm ăn. Chị V đã cố gắng chịu đựng và khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 16/8/2018 anh T đã đánh chửi chị V nên chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để sinh sống. Hai vợ chồng chị V và anh T sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, không có liên quan gì về kinh tế và tình cảm, hiện nay chị V không mang thai với anh T. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Đến nay, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài, vì vậy chị V đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo L – sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015. Cháu L phát triển bình thường, không bị dị tật bẩm sinh gì, hiện nay cháu đang sống cùng với chị V. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L, đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị V xác định hai vợ chồng anh chị không cho ai vay nợ; cũng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ cuối năm 2017 chị V đi làm ở nhà máy gạch đã thay đổi tính tình, không quan tâm chăm sóc gia đình; còn anh thì thi thoảng có uống rượu giao lưu, cờ bạc thì từ cuối năm 2018 anh không chơi nữa. Đến ngày 16/8/2018, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cãi chửi nhau, do chị V đập ảnh cưới nên anh T không kiềm chế được đã tát chị V hai ba cái, sau đó khoảng 15 ngày sau chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để sinh sống. Từ thời gian đó đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Mặc dù anh và gia đình đến khuyên giải nhưng chị V không đồng ý đoàn tụ. Đến nay chị V đề nghị ly hôn nhưng anh T

xác định vẫn còn tình cảm với chị V, hi vọng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi trưởng thành, nên ann T không đồng ý ly hôn.

Về con: Anh Nguyễn Ngọc T có 01 con riêng, Nhưng đã được giải quyết tại Quyết định số 53/2014/HNGĐ –ST ngày 10/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống vợ chồng Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo L – sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015. Cháu L phát triển bình thường, không bị dị tật bẩm sinh gì, hiện nay cháu có khi sống cùng với chị V, có khi sống với anh. Nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L, đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T xác định hai vợ chồng anh chị không cho ai vay nợ; cũng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định tại các Điều 237; 238 và Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện B về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V. Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L – sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015, đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, xem xét đầy đủ toàn diện tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh các tài liệu dùng làm căn cứ mà Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với anh Nguyễn Ngọc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị V tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ cuối năm 2014. Đến ngày 29/5/2015, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị V là do anh T không chịu tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, thường uống rượu say và đánh vợ, chị V đã cố gắng chịu đựng và khuyên giải nhưng anh T không thay đổi; Anh T cho rằng do từ cuối năm 2017 chị V đi làm ở nhà máy gạch đã thay đổi tính tình, không quan tâm chăm sóc gia đình; còn anh T thì thì thoảng có uống rượu, anh không chơi cờ bạc từ cuối năm 2018. Đến nay anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị V và mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung đến khi trưởng thành.

Như vậy cả hai bên đương sự đều xác nhận, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân từ ngày 16/8/2018 đến nay. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Theo nội dung Biên bản xác minh ngày 10/4/2019 tại UBND xã A, xác định khoảng thời gian từ 02 - 03 năm trở lại đây anh T nhiều lần đánh đuổi chị V ra khỏi nhà, không quan tâm chăm sóc giáo dục con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù anh T muốn vợ chồng về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã 02 lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, nhưng anh Nguyễn Ngọc T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa ngày 27/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do.

Như vậy đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trước đây anh Nguyễn Ngọc T có 01 con riêng, nhưng đã được giải quyết tại Quyết định số 53/2014/HNGĐ –ST ngày 10/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, do đó Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo L – sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015. Anh T và chị V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L, đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Căn cứ Xác nhận thu nhập của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu gốm xây dựng A; Biên bản xác minh ngày 10/4/2019 tại UBND xã A xác định: chị Nguyễn Thị V có mức thu nhập bình quân là 6.000.0000 – 7.000.000đ/ tháng, Anh Nguyễn Ngọc T nghề nghiệp lao động tự do, ai thuê việc gì thì làm việc đấy, thu nhập không ổn định, nhưng do anh T lười lao động nên không xác định được thu nhập bình quân hàng tháng của anh T. Hiện nay anh T đang sống một mình trong 01 ngôi nhà gỗ, lợp ngói cũ, vách trát xi nhưng đã mục nát, trong nhà không có tài sản gì.

Xét thấy chị Nguyễn Thị V đủ điều kiện về kinh tế, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc đối với cháu Nguyễn Bảo L hơn so với anh Nguyễn Ngọc T. Để đảm bảo cuộc sống, sự phát triển cả về thể chất cũng như tinh thần của cháu L cần giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L. Xét thấy nguyện vọng của chị V là tự nguyện, cần công nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ngọc T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Ngọc T xác định hai vợ chồng anh chị không cho ai vay nợ; cũng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006898 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC(1);
- VKSND(2);
- STP LC(1);
- Các đương sự(2);
- UBND xã A(1);
- CC THA DS (1);
- Lưu HS,TP,VP(4).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nghĩa Nguyễn Thị Thủy

Trần Văn Nghĩa